



xué xiào

学校

Noun · school

Example Sentences

wǒ men xué xiào míng tiān fàng jià

我们学校明天放假。

Our school has a holiday tomorrow.

xué xiào guī dìng xué shēng bì xū chuān xiào fú

学校规定学生必须穿校服。

The school requires students to wear uniforms.

wǒ de xué xiào hěn dà yǒu hěn duō jiào shì

我的学校很大，有很多教室。

My school is very big and has many classrooms.

Trace each character, then write the word on your own.

学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学
校	校	校	校	校	校	校	校	校	校	校
校	校									